

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**



**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

**Hà Nội, năm 2021**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>1</b>
1.1. Giới thiệu chương trình .....	1
1.2. Thông tin chung về chương trình .....	1
1.3. Triết lý đào tạo.....	2
1.4. Mục tiêu đào tạo .....	2
1.4.1. Mục tiêu chung:.....	2
1.4.2. Mục tiêu cụ thể: .....	3
1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh .....	3
1.6. Hình thức đào tạo: .....	3
1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá.....	3
1.8. Điều kiện tốt nghiệp .....	4
1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp .....	4
<b>PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>5</b>
2.1. Kiến thức .....	5
2.2. Kỹ năng.....	5
2.3. Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm .....	6
2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra .....	7
<b>PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>8</b>
3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình.....	8
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức .....	9
3.3. Khung chương trình.....	10
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra .....	25
3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ.....	34
3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần .....	36
3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình .....	49
3.7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu .....	49
3.7.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình .....	59
3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	60
3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình.....	61

## PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

### 1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng 8 bước theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo với khối lượng học tập toàn khóa là 133 tín, trong đó bao gồm:

- **Khối kiến thức giáo dục đại cương:** Là những nội dung học tập tối thiểu cần thiết nhằm giúp người học có tầm nhìn rộng, thế giới quan khoa học và nhân sinh quan đúng đắn; hiểu biết về tự nhiên, xã hội và con người; nắm vững phương pháp tư duy khoa học; có đạo đức tốt, nhận thức trách nhiệm công dân, hình thành thói quen học suốt đời.

- **Khối kiến thức cơ sở ngành:** Là những nội dung học tập tối thiểu cần thiết giúp hình thành những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ban đầu cho người học.

- **Khối kiến thức chuyên ngành:** Là những nội dung học tập tối thiểu bắt buộc người học phải có để học được kiến thức chuyên môn, liên quan đến nghề nghiệp chính mà người học được đào tạo.

Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên việc xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã được xác định từ việc khảo sát, đánh giá nhu cầu, lấy ý kiến các bên liên quan trong và ngoài Trường. Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã bảo đảm tính nhất quán, phản ánh được yếu tố chính kết quả giáo dục đại học phù hợp với mục tiêu, chiến lược của Nhà trường, phù hợp với ngành đào tạo của Việt Nam, thông lệ quốc tế, phù hợp với chuẩn đầu ra và chuẩn chương trình của ngành Ngôn ngữ Anh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 1.2. Thông tin chung về chương trình

- Tên chương trình:

- Tiếng Việt: **Ngôn Ngữ Anh**
- Tiếng Anh: **English Studies**

- Trình độ đào tạo: **Đại học**

- Ngành đào tạo: **Ngôn Ngữ Anh**

- Mã số: **7220201**

- Thời gian đào tạo: **4 năm**

- Loại hình đào tạo: **Chính quy**

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: **Cử nhân Ngôn ngữ Anh**

Tiếng Anh: **Bachelor of Arts in English studies**

- Thời gian ban hành chương trình: **Năm 2019**

- Thời gian rà soát, sửa đổi chương trình gần nhất: **Năm 2021**

- Kiểm định chương trình:

### **1.3. Triết lý đào tạo**

Với triết lý giáo dục tri nhận xã hội, lấy người học làm trung tâm, nâng cao năng lực tự chủ của người học, Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo người học trở thành phiên bản tốt nhất của chính họ, với tinh thần học tập suốt đời, luôn sống trọn vẹn với tất cả tiềm năng của bản thân. Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh nhằm nuôi dưỡng tài năng để giúp họ nắm lấy vai trò là những nhà lãnh đạo tương lai trong lĩnh vực mà họ theo đuổi. Bằng cách xây dựng một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo cho người học, nhà khoa học và doanh nghiệp, tạo điều kiện để họ kết nối, học tập và phát triển những giải pháp đột phá cho một tương lai tốt đẹp hơn, phục vụ đất nước và mang lại tác động tích cực truyền cảm hứng cho xã hội.

Chương trình ngành Ngôn ngữ Anh thiết kế theo hướng học tập trải nghiệm sáng tạo, hướng dẫn người học phương pháp tự lĩnh hội tri thức và hoàn thiện kỹ năng thông qua các hoạt động thực hành khám phá và trải nghiệm thực tế để người học khám phá và khai mở tất cả tiềm năng của bản thân, trang bị cho người học kỹ năng học tập, lối suy nghĩ sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, kỹ năng lãnh đạo và các kỹ năng sống;

Chương trình đào tạo cử nhân có năng lực ngôn ngữ thành thạo, có kỹ năng biên-phiên dịch, có kiến thức và kỹ năng về kinh tế – tài chính, tài nguyên môi trường, có kiến thức về đất nước, văn hóa, xã hội các quốc gia nói tiếng Anh. Người học cũng có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

### **1.4. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.4.1. Mục tiêu chung:**

Chương trình đào tạo Đại học ngành Ngôn ngữ Anh nhằm đào tạo sinh viên sau khi ra trường có phẩm chất chính trị vững vàng, có lập trường chính trị kiên định, có kiến thức, kỹ năng, thái độ và đạo đức phù hợp, thích nghi để làm việc trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa đồng thời có khả năng thích ứng cao với những thay đổi nhanh của nền kinh tế hiện nay hội nhập khu vực và quốc tế.

Chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân có năng lực chuyên môn tốt, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ đi theo Khung năng lực ngôn ngữ chung Châu Âu), có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ văn hóa các nước nói tiếng Anh, có kiến thức và các kỹ năng cần thiết để công tác trong các lĩnh vực được đào tạo. Người học cũng có thể tiếp tục tự học, học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

### 1.4.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp từ ngành ngôn ngữ Anh đạt được các mục tiêu sau:

a. Hiểu biết chính trị và pháp luật tốt, có kiến thức cơ sở về công nghệ thông tin, nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b. Hiểu biết cơ bản về văn học, văn hóa, văn minh của các nước nói tiếng Anh, về lịch sử, văn hóa các nước Asean và kiến thức nền tảng vững vàng về ngôn ngữ học.

c. Giao tiếp thông thạo bằng tiếng Anh trong các tình huống xã hội.

d. Có được các kỹ năng cơ bản về biên phiên dịch trong các lĩnh vực chính trị xã hội, kinh tế, du lịch và một số lĩnh vực riêng về tài nguyên - môi trường.

e. Nắm vững kiến thức cơ bản về phương pháp luận NCKH, đối chiếu ngôn ngữ, có khả năng tự học và tự nghiên cứu để có thể vươn lên những bậc học cao hơn

f. Có khả năng sử dụng được một ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh trong giao tiếp cơ bản và đọc, dịch tài liệu.

g. Nắm vững một số kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề, khả năng tư duy phản biện, thu thập thông tin, vv., và đặc biệt là khả năng ứng dụng công nghệ thông tin.

h. Có khả năng thích ứng được với các môi trường làm việc đa dạng như thương mại, du lịch, văn phòng, sản xuất, nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy.

### 1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

### 1.6. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

### 1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

- Phương pháp giảng dạy: Chương trình dạy học chú trọng sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, kết hợp các phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại, bao gồm: phương pháp thuyết trình, phát vấn, tình huống, thảo luận và làm việc nhóm, thực hành, thực tập, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.

- Phương pháp học tập: Chương trình dạy học được thiết kế nhằm giúp người học chủ động tiếp thu kiến thức, kỹ năng, phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm thông qua các phương pháp học tập lý thuyết kết hợp thực hành, phương pháp học tập trên lớp và ở nhà. Do đó, các phương pháp học tập chủ yếu bao gồm: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm; thuyết trình; làm bài tập, thực hành, thực tập, thực hiện khóa luận tốt nghiệp; tự học có hướng dẫn.

- Phương pháp đánh giá:

Kết quả học tập được đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo học chế tín chỉ hiện hành.

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric. Các Rubric thành phần bao gồm: điểm đánh giá quá trình (điểm các bài kiểm tra, thuyết trình nhóm, chuyên cần, v.v nhân với trọng số); điểm thi giữa kỳ (Đối với học phần có khối lượng từ 4TC trở lên) và điểm thi kết thúc học phần.

### **1.8. Điều kiện tốt nghiệp**

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

### **1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, người học có khả năng và năng lực công tác và học tập nâng cao trình độ:

- Công tác trong các doanh nghiệp trong nước có thông thương, hợp tác quốc tế, các doanh nghiệp, nhà máy có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Đảm nhận được công việc tại các sở ban ngành, các cơ quan nhà nước và các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến việc sử dụng tiếng Anh.;
- Đảm nhận được công việc tại các cơ quan nghiên cứu ngôn ngữ-văn hoá trong và ngoài nước sử dụng tiếng Anh;
- Đảm nhận được công việc tại các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp có liên quan công việc giao tiếp quốc tế, đối ngoại, phiên dịch hay biên dịch sử dụng tiếng Anh;
- Giảng dạy tiếng Anh tại các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp cao đẳng và đại học (nếu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)

## PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### 2.1. Kiến thức

#### \* Kiến thức chung:

2.1.1. Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh Quốc phòng để áp dụng vào quá trình thực hành nghề nghiệp.

2.1.2. Hiểu được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội phù hợp với ngành đào tạo, biết cách sử dụng các phần mềm tin học văn phòng.

2.1.3. Có khả năng phát âm tiếng Anh tương đối rõ ràng và chính xác, có kiến thức cơ bản và nâng cao về ngữ pháp tiếng Anh, thực hiện được một kế hoạch nghiên cứu khoa học về giáo dục hoặc ngôn ngữ Anh.

2.1.4. Hiểu và ứng dụng ngôn ngữ Anh trong giao tiếp theo ngữ cảnh hiệu quả, có kiến thức cơ bản về ngữ âm, âm vị học, hình thái học, ngữ nghĩa học, diễn ngôn tiếng Anh. Nắm vững các kiến thức về thuật ngữ để phân tích văn chương viết bằng tiếng Anh một cách cơ bản

2.1.5. Có kiến thức về địa lí, chính trị, lịch sử, nền giáo dục, người dân, những lễ hội truyền thống và một số nét văn hóa đặc trưng của nước Mỹ, Vương quốc Anh, văn hóa các nước ASEAN

2.1.6. Có kiến thức và năng lực thực hành một ngoại ngữ thứ 2 như Pháp, Nhật, Hàn hoặc Trung ở trình độ sơ cấp và tiên trung cấp.

#### \* Kiến thức chuyên môn

2.1.7. Phát triển và ứng dụng kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu và viết tiếng Anh giao tiếp trình độ tiên trung cấp đến cao cấp.

2.1.8. Phát triển và thực hành các kỹ năng và chiến thuật dịch thuật (Anh - Việt, Việt - Anh) trình độ trung cấp đến nâng cao.

2.1.9. Phát triển kỹ năng sử dụng và ứng dụng tiếng Anh giao tiếp trong các lĩnh vực chính trị xã hội, kinh tế, du lịch và một số lĩnh vực riêng về ngành tài nguyên - môi trường trình độ trung cấp đến nâng cao.

2.1.10. Có khả năng đọc hiểu và phân tích các tác phẩm văn học Anh và Mỹ trình độ cơ bản tới nâng cao.

2.1.11. Có khả năng thích nghi xã hội và môi trường công tác, sáng tạo trong giải quyết vấn đề, vận dụng linh hoạt và phù hợp các kiến thức, kỹ năng để thực hiện công việc, phân tích và xử lý các vấn đề thực tiễn trong công việc.

### 2.2. Kỹ năng

#### \* Kỹ năng chung

2.2.1. Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép.

Có khả năng sử dụng các kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) tương đương bậc 5 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc trình độ C1 theo Khung tham chiếu châu Âu về ngôn ngữ.

2.2.2. Theo dõi và hiểu được các cuộc trò chuyện sôi nổi, những tranh luận hay những bài nói dài, lập luận mang tính trừu tượng giữa những người bản ngữ.

2.2.3. Có thể hiểu được những thông tin cần thiết khi nghe các thông báo qua các phương tiện thông tin đại chúng.

2.2.4. Có thể diễn đạt ý một cách trôi chảy và tức thời, gần như không gặp khó khăn. Có thể sử dụng tốt một vốn từ vựng lớn, đủ khả năng xử lý khi thiếu từ bằng lối nói vòng vo.

2.2.5. Có thể hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó.

2.2.6. Có thể viết bài chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp.

#### **\* Kỹ năng chuyên môn**

2.2.7. Có khả năng biên dịch các loại văn bản, bài tạp chí, bài báo, truyện, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh.

2.2.8. Vận dụng linh hoạt các kỹ thuật phiên dịch, đảm bảo dịch đúng và đủ nội dung cần phiên dịch.

2.2.9. Hiểu và ứng dụng cách viết văn bản, dịch thuật đơn thư và thư từ giao dịch thương mại bằng tiếng Anh.

2.2.10. Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình đáp ứng được yêu cầu và nâng cao chất lượng công việc.

2.2.11. Hiểu và ứng dụng các nguồn lực, công nghệ và phương tiện để nâng cao hiệu quả công việc.

2.2.12. Nhận ra nhu cầu tự phát triển nghề nghiệp, tự đánh giá, tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả của công việc.

2.2.13. Có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới, kỹ năng tư duy phản biện.

### **2.3. Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm**

2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phối hợp, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn để hoàn thành công việc đúng thời gian, hiệu quả trong quá trình làm việc theo nhóm.

2.3.2. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

2.3.3. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác;





CHUẨN ĐẦU RA	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO							
	a	b	c	d	e	f	g	h
2.3.5								x
2.3.6							x	x

### PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

#### 3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình

<b>Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy</b>	<b>133</b>	<b>Tỉ trọng (%)</b>
Trong đó:		
- <b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b> <i>(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN)</i>	<b>33</b>	<b>24.8%</b>
- <b>Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>100</b>	<b>75.1%</b>
• Kiến thức cơ sở ngành	13	9.8%
• Kiến thức ngành và chuyên ngành	75	56.4%
+ <i>Bắt buộc:</i>	42	31.6%
+ <i>Tự chọn:</i>	33	24.8%
• Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp	12	9.0%



### 3.3. Khung chương trình

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết;

- TH, TT: Thực hành, Thực tập.

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>33</b>					
<b>1.1</b>	<b>Các học phần chung</b>		<b>19</b>					
1	LCML101	Triết học Mác - Lênin	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.	30	15	90	
2	LCML102	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu, nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.	20	10	60	
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
4	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	21	9	60	
5	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018).	21	9	60	
6	NNTA104	Tiếng Trung 1	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp và những câu giao tiếp đơn giản theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.	25	20	90	
7	NNTA105	Tiếng Trung 2	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức sâu hơn về ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng và có khả năng vận dụng để biểu đạt thành đoạn văn của người học.	15	30	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
8	NNTA106	Tiếng Trung 3	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có được những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống và các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết ở trình độ tiền trung cấp và có thể sử dụng được trong những tình huống nhất định và làm quen với các dạng bài thi quốc tế theo định hướng HSK.	15	15	60	
9		Giáo dục thể chất	4	Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn: * Phần bắt buộc (3TC) (1) Thể dục (1TC): Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản trong công tác giáo dục thể chất (nhiệm vụ và chức năng của sinh viên, các hình thức giáo dục thể chất trong trường đại học; cấu trúc cơ bản của vận động thông qua một số bài thể dục cơ bản, giúp cho SV có được tư thế tác phong nhằm chuẩn mực hóa kỹ năng vận động và nâng cao thể lực. (2) Điền kinh 1 (1TC) và Điền kinh 2 (1TC): Nội dung học phần bao gồm: Các kiến thức cơ bản trong môn chạy cự ly trung bình, cự ly ngắn và môn nhảy cao, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài điền kinh. (3) Phần tự chọn (1TC): SV chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền, Cầu lông, Bóng rổ, Bơi lội, Bóng đá, Đá cầu, Thể dục Aerobic.				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh	9	Bao gồm 4 học phần: Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng –				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				an ninh; Quân sự chung, Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.				
<b>1.2</b>	<b>Các học phần bắt buộc của trường</b>		<b>6</b>					
11	LCPL101	Pháp luật đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, về về phòng, chống tham nhũng, và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.	20	10	60	
12	CTKU101	Tin học đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu khái niệm hệ điều hành, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.	19	11	60	
13	NNTA107	Kỹ năng mềm	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm và có thể vận dụng những kỹ năng đã học để giải quyết các công việc trong thực tiễn, phát huy hiệu quả năng lực học tập, nghiên cứu khoa học và lập nghiệp.	17	13	60	
<b>1.3</b>	<b>Các học phần của ngành</b>		<b>8</b>					
14	NNTA108	Tiếng Việt thực hành		Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và nâng cao về ngôn ngữ tiếng Việt, quá trình hình thành và phát triển tiếng	18	27	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
			3	Việt, đặc điểm loại hình, các quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt, đặc điểm cấu tạo từ và câu tiếng Việt, đặc trưng của văn bản, các kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản tiếng Việt.				
15	LCLS102	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản, cốt lõi và hệ thống về cơ sở văn hóa Việt Nam, bao gồm: Văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội, đồng thời có thể vận dụng những kiến thức của văn hóa Việt trong các hoạt động chuyên môn và cuộc sống.	21	9	60	
16	NNTA109	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nhớ các khái niệm và bản chất logic của nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở lý luận của đề tài, thu thập và định hướng xử lý thông tin, trình tự thực hiện đề tài và viết được bài báo khoa học, luận văn tốt nghiệp và có khả năng thuyết trình một báo cáo khoa học.	25	20	90	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>100</b>					
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>13</b>					
17	NNTA110	Kỹ năng thuyết trình	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về kỹ năng thuyết trình, biết vận dụng mẫu câu, cụm từ, biểu bảng, phân tích...trong các hoạt động làm bài tập nhóm hay phát triển kỹ năng làm việc độc lập.	6	24	60	



TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
18	NNTA111	Ngữ pháp tiếng Anh 1	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh như các thì hiện tại, quá khứ và tương lai, các loại câu điều kiện, câu bị động, sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ vị ngữ, thức giả định, mệnh đề quan hệ, câu gián tiếp, danh động từ và động từ, và có thể vận dụng vào quá trình làm bài tập cũng như vận dụng trong các hoạt động nghe, nói, đọc, viết.	10	35	90	
19	NNTA112	Kỹ năng tư duy phản biện	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả.	12	18	60	
20	NNTA113	Dẫn luận ngôn ngữ	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản của bốn lĩnh vực cơ bản nhất của ngôn ngữ học đó là Ngữ âm học và Âm vị học tiếng Anh (miêu tả, phân loại nguyên âm, phụ âm, cấu trúc âm tiết, trọng âm và các biến đổi âm trong chuỗi lời nói), Hình vị học (phân loại hình vị, các cách cấu tạo từ), Cú pháp học (học các loại từ, cụm từ, mệnh đề và câu) và Ngữ nghĩa học (các mối quan hệ về nghĩa).	13.5	16.5	60	
21	NNTA114	Lý thuyết dịch	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được khái niệm biên dịch và các nghiên cứu về ngành biên dịch, phân tích văn bản gốc, các phương pháp	13	17	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				biên dịch, quy trình biên dịch, các biện pháp phổ biến áp dụng trong ngành biên dịch, ngoài ra, sinh viên còn có kiến thức về khái niệm về phiên dịch, nhiệm vụ của phiên dịch viên, các loại hình phiên dịch, chuẩn mực đạo đức nghề dịch.				
22	NNTA115	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức, thủ thuật và kỹ năng giao tiếp trong phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh và sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động.	9	21	60	
2.2	<b>Kiến thức ngành (Bao gồm cả kiến thức chuyên ngành)</b>							
	<b>Các học phần bắt buộc:</b>		<b>42</b>					
23	NNTA116	Nghe-Nói 1	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức về ngữ âm, từ vựng về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng cơ bản của Nghe-Nói như: nghe để lấy ý chính, nghe nắm bắt thông tin chi tiết, và kỹ năng Note-taking trong nghe hay như thuyết trình hoặc trình bày thông tin cơ bản, tóm tắt ý chính...và có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.	12	33	90	
24	NNTA117	Đọc-Viết 1	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng Đọc - Viết cơ bản ở trình độ tiên trung cấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu).	10.5	34.5	90	
25	NNTA118	Nghe-Nói 2	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên	13	47	120	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				có những kiến thức về ngữ âm, từ vựng về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng cơ bản của Nghe-Nói như: nghe để lấy ý chính, nghe nắm bắt thông tin chi tiết, và kỹ năng Note-taking trong nghe hay như thuyết trình hoặc trình bày thông tin cơ bản, tóm tắt ý chính, v.v...và có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.				
26	NNTA119	Đọc-Viết 2	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng Đọc-Viết cơ bản ở trình độ tiền trung cấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ A2-B1 theo khung tham chiếu Châu Âu) và có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.	18	42	120	
27	NNTA120	Nghe-Nói 3	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có học những kiến thức về ngữ âm, từ vựng về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng cơ bản của Nghe-Nói như: nghe để lấy ý chính, nghe nắm bắt thông tin chi tiết, và kỹ năng Note-taking trong nghe hay như thuyết trình hoặc trình bày thông tin cơ bản, tóm tắt ý chính, v.v....và có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.	16	44	120	
28	NNTA121	Đọc-Viết 3	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, cấu trúc ngữ pháp) và các kỹ	26	34	120	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				năng ngôn ngữ (Đọc, Viết) từ bài 1 đến bài 8 trong giáo trình Mindset 1 và có thể vận dụng cho việc học chuyên sâu ở các học phần sau.				
29	NNTA122	Nghe-Nói 4	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc chuyên sâu để trình bày các chủ đề và tình huống khác nhau: văn hóa, môi trường, giáo dục, giao thông, thông tin đại chúng, du lịch,...và có những kỹ năng thực hành tiếng để sử dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.	16	44	120	
30	NNTA123	Đọc-Viết 4	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng để vận dụng vào các mục đích khác nhau như học thuật, chuyên môn và có cơ hội rèn luyện kỹ năng Đọc và Viết mức độ trên trung cấp (trình độ B2 theo khung tham chiếu châu Âu) với các chủ đề đa dạng thông qua các nhiệm vụ học tập và chiến lược làm bài thi IELTS.	16	44	120	
31	NNTA124	Nghe-Nói 5	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể tự tin giao tiếp với người bản xứ, diễn đạt các nội dung giao tiếp sử dụng văn phong trang trọng trong các tình huống giao tiếp thường nhật và các hoạt động giao tiếp nghề nghiệp; nghe hiểu và báo cáo lại các nội dung chính từ các bài phát biểu trên phương tiện đại chúng, hoặc các hoạt động giao tiếp nghề nghiệp có nội dung về các vấn đề kinh tế, khoa học, xã hội,...	9.5	35.5	90	
32	NNTA125	Đọc-Viết 5	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên	10	35	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				nắm được các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề như: đời sống, sức khỏe, nghệ thuật và kiến trúc, tài chính và doanh nghiệp, lịch sử; có thể nắm vững cấu trúc, định dạng đề thi theo định hướng IELTS; vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.				
33	NNTA126	Ngữ pháp tiếng Anh 2	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết thêm một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh như câu hỏi láy đuôi, câu đảo ngữ và nắm thêm kiến thức ngữ pháp chuyên sâu hơn như động từ và cụm động từ, danh từ và cụm danh từ, cụm tính từ và trạng từ, giới từ và cụm giới từ, câu đơn, câu ghép, sung ngữ, bình ngữ và liên ngữ để có thể cải thiện kỹ năng viết khi học thực hành tiếng.	16	29	90	
34	NNTA127	Ngữ âm – Âm vị học	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về cơ quan phát âm, các quy tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh; các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại, các quy tắc ngữ âm học (phonological rules); âm tiết (syllables); trọng âm, thanh điệu và cao độ (stress/ tone), một số quy luật phát âm và phiên âm, các vấn đề trong âm vị, các khía cạnh của lời nói, ngữ điệu và chức năng của ngữ điệu.	27	18	90	
<b>Các học phần tự chọn:</b>								

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
			<b>33/ 47</b>					
35	NNTA128	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong ngành du lịch lữ hành và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm thuộc ngành du lịch: điểm đến du lịch, điều hành tour, kích cầu du lịch, đại lí du lịch, phương tiện du lịch, loại hình du lịch, và đặt chỗ trong du lịch,...	8	37	90	
36	NNTA129	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đất nước, văn hóa, con người, địa lý, lịch sử; bản sắc dân tộc, hệ thống chính trị, tôn giáo, kinh tế, xã hội của hai quốc gia Anh – Mỹ và có thể phân tích, nghiên cứu cơ bản các vấn đề văn hóa, xã hội Anh – Mỹ và so sánh, liên hệ với văn hóa Việt Nam.	10	35	90	
37	NNTA130	Đất nước học Anh Mỹ	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức về đất nước, lịch sử phát triển, các giá trị truyền thống, thể chế chính trị, kinh tế, giáo dục, đời sống hàng ngày của người dân như bằng cách giới thiệu các môn thể thao và lễ hội tại Vương quốc Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.	29.5	15.5	90	
38	NNTA131	Văn học Anh - Mỹ	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về văn học như: cốt truyện (plot), góc nhìn (point of view), nhân vật (character), bối cảnh (setting), chủ đề (theme) và những kiến thức cần thiết để đọc hiểu và viết bài phân tích văn học của các nước nói tiếng Anh (Anh, Mỹ) từ cuối thế kỷ XIX đến nay.	32.5	12.5	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
39	NNTA132	Biên dịch	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các bước và các kỹ thuật biên dịch; xác định được các kỹ thuật biên dịch trong dịch thuật văn bản như dịch chuyển đổi cú pháp, dịch diễn giải và dịch cắt tia cũng như xác định được cấu trúc ngữ pháp và giải thích được nghĩa từ vựng khi dịch thuật văn bản, và vận dụng kiến thức đã học để dịch thuật văn bản về các chủ đề thông dụng.	6	39	90	
40	NNTA133	Thực hành biên dịch chuyên ngành	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức về dịch thuật, các phương pháp dịch thuật, quy trình dịch thuật như phân tích, chuyển đổi – tái tạo cấu trúc, , phân biệt và được những điểm tương đồng và khác biệt giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt liên quan đến các chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lí đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn và trắc địa bản đồ.	14	31	90	
41	NNTA134	Phiên dịch	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sinh viên nắm được cấu trúc câu đặc trưng và vốn từ vựng phong phú của cả hai ngôn ngữ để phiên dịch chính xác nội dung và có khả năng ghi chú nhanh thông tin khi nghe cũng như khả năng phản xạ tốt phục vụ cho công việc.	25	20	90	
42	NNTA135	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu rõ vai trò và công việc của người phiên dịch trong thực tế, sử dụng những kỹ năng cơ bản của loại hình dịch đuổi: ghi chép, ghi nhớ, tóm tắt, diễn giải, hiểu rõ bản chất của môn học và cảm thấy tự tin hơn trong khi	14	31	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				thực hành dịch tại lớp cũng như trong thực tế.				
43	NNTA136	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm thuộc lĩnh vực kinh tế: quản lý, các loại hình kinh tế, chuỗi cung ứng, chu kỳ sống của sản phẩm, vai trò của tiếp thị, các loại sản phẩm và dịch vụ của ngân hàng, các loại kế toán và báo cáo tài chính, vai trò của chính phủ đến nền kinh tế và các loại thuế.	12	33	90	
44	NNTA137	Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các thuật ngữ, từ vựng chuyên ngành và kiến thức nền liên quan đến các chủ đề như: khoa học môi trường, ô nhiễm môi trường, tài nguyên năng lượng, đô thị hóa, luật và chính sách môi trường, phát triển bền vững, và có kỹ năng đọc hiểu các văn bản, tài liệu chuyên ngành môi trường bằng tiếng Anh và ứng dụng các kiến thức được học vào thực tiễn.	9	36	90	
45	NNTA138	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được khái niệm về ngôn ngữ học đối chiếu, các ứng dụng của ngành khoa học này với lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ, các cách thức để tiến hành công việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ và các bình diện nghiên cứu của ngành khoa học này.	32	13	90	
46	NNTA139	Từ vựng học	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được khái niệm về từ vựng, nguồn gốc của nó, hệ thống ngữ nghĩa của từ vựng, sự phát triển của từ vựng và sự tiếp biến từ vựng trong	15.5	29.5	90	



TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				từ điển, bản chất của từ và các phương thức cấu tạo từ, thấy được tính đặc biệt của từ, nhất là ranh giới từ trong tiếng Anh, phân tích được nghĩa của từ; phân loại được vốn từ tiếng Anh thành các nhóm theo nguồn gốc, theo phạm vi sử dụng.				
47	NNTA140	Ngữ nghĩa học	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được có khả năng nhớ và phân biệt được các khái niệm trong ngữ nghĩa học như các thuộc tính ngữ nghĩa, trường nghĩa, sở chỉ, nghĩa của từ, các hình thái tu từ, bao nghĩa, đồng nghĩa, trái nghĩa, mệnh đề, câu, phát ngôn, quan hệ kéo theo, tiền giả định, hàm ngôn, hành động ngôn từ, trực chỉ và áp dụng những kiến thức đã học vào quá trình học và giao tiếp Tiếng Anh trong cuộc sống.	22	23	90	
48	NNTA141	Ngữ dụng học	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về ngữ dụng học như trực chỉ, quy chiếu, hàm ngôn, tiền giả định...để có thể vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh, có thể hiểu được ý định giao tiếp của người nói trong ngữ cảnh nhất định của hội thoại Anh-Việt.	20	25	90	
49	NNTA142	Văn hóa các nước ASEAN	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), quá trình thành lập Hiệp hội, những tôn chỉ của hiệp hội, lịch sử phát triển, các chính sách, những thành tựu và thách thức của tổ chức ASEAN, các thông tin tổng quan về đất nước con người, về văn hóa và tôn giáo, về những địa điểm du lịch của đất nước	11	19	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				và có thể vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến du lịch, văn hóa, cũng như nghề nghiệp sau này.				
50	NNTA143	Tiếng Anh thư tín thương mại	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức, vốn từ vựng chuyên ngành thương mại, văn phong, cấu trúc của một bức thư thương mại, cấu trúc ngữ pháp và thuật ngữ liên quan đến thư từ giao dịch trong các lĩnh vực thương mại như: thư hỏi hàng và trả lời, thư đặt hàng và thư liên quan đến việc thực hiện đơn hàng, thư khiếu nại, thư giải quyết khiếu nại, thư tín liên quan đến tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm, vận chuyển, các loại hình giao tiếp điện tử, các báo cáo, thông báo thông qua thư tín được sử dụng trong nội bộ công ty....	17.5	27.5	90	
<b>II.3</b>	<b>Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>12</b>					
51	NNTA144	Thực tập tốt nghiệp	6	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có cơ hội luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp; củng cố, nâng cao kiến thức đã học tại trường, vận dụng kiến thức vào thực tiễn tại cơ sở thực tập; tăng cường khả năng tiếp cận thực tế.				
52	NNTA145	Khoá luận tốt nghiệp	6					
	<i>Các môn thay thế Khoá luận tốt nghiệp</i>							
53	NNTA146	Giao tiếp liên văn hóa	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức liên quan đến các khía cạnh, nguyên tắc chi phối việc giao tiếp trong văn hóa Mỹ, cũng như sự đa dạng văn hóa và quá trình giao tiếp giữa các nền văn hóa khác nhau	8	37	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				và có thể phân tích, nghiên cứu được các tài liệu học thuật về giao tiếp liên văn hóa.				
54	NNTA147	Phân tích diễn ngôn	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được một số khái niệm cơ bản về phân tích diễn ngôn (bao gồm mối quan hệ chặt chẽ về ngôn ngữ và ngữ cảnh, đặc điểm tính chất của văn nói và văn viết), và ứng dụng của ngữ dụng học và phân tích diễn ngôn vào các lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng khác như: giảng dạy ngoại ngữ, phiên dịch, kỹ năng giao tiếp...	17	28	90	
<b>Tổng cộng</b>			<b>133</b>					





STT	Mã học phần	HỌC PHẦN	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																										Tổng		
				Kiến thức											Kỹ năng										Năng lực tự chủ và trách nhiệm							
				2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.1.7	2.1.8	2.1.9	2.1.10	2.1.11	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.2.10	2.2.11	2.2.12	2.2.13	2.3.1	2.3.2		2.3.3	2.3.4
15	NNT A109	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1		-	-	-	-	-	3
16	NNT A110	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	3	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>100</b>																													
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>13</b>																													
17	NNT A111	Kỹ năng thuyết trình	2	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	3		
18	NNT A112	Ngữ pháp tiếng Anh 1	3	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	3		
19	NNT A113	Kỹ năng tư duy phân biện	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	2	-	-	-	-	3		
20	NNT A114	Dẫn luận ngôn ngữ	2	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	3		
21	NNT A115	Lý thuyết dịch	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	1	-	-	-	-	-	4		

STT	Mã học phần	HỌC PHẦN	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																										Tổng			
				Kiến thức											Kỹ năng											Năng lực tự chủ và trách nhiệm							
				2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.1.7	2.1.8	2.1.9	2.1.10	2.1.11	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.2.10	2.2.11	2.2.12	2.2.13	2.3.1	2.3.2		2.3.3	2.3.4	2.3.5
22	NNT A116	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1	-	-	-	4
2.2	<i>Kiến thức ngành (Bao gồm cả kiến thức chuyên ngành)</i>																																
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		42																														
23	NNT A117	Nghe-Nói 1	3	-	-	2	1	-	-	-	-	-	-	-	1	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	7
24	NNT A118	Đọc-Viết 1	3	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	5
25	NNT A119	Nghe-Nói 2	4	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	3	
26	NNT A120	Đọc-Viết 2	4	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	5	
27	NNT A121	Nghe-Nói 3	4	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	3	
28	NNT A122	Đọc-Viết 3	4	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	4	
29	NNT A123	Nghe-Nói 4	4	-	-	2	1	-	-	1	-	-	-	-	1	1	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	1	-	-	9

STT	Mã học phần	HỌC PHẦN	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																										Tổng	
				Kiến thức											Kỹ năng											Năng lực tự chủ và trách nhiệm					
				2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.1.7	2.1.8	2.1.9	2.1.10	2.1.11	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.2.10	2.2.11	2.2.12	2.2.13	2.3.1	2.3.2		2.3.3
30	NNT A124	Đọc-Viết 4	4	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	4
31	NNT A125	Nghe-Nói 5	3	-	-	2	1	-	-	1	-	-	-	-	1	1	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	8
32	NNT A126	Đọc-Viết 5	3	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	5
33	NNT A127	Ngữ pháp tiếng Anh 2	3	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	3	
34	NNT A128	Ngữ âm – Âm vị học	3	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	4	
<b>Các học phần tự chọn:</b>			<b>33 / 4 7</b>																												
35	NNT A129	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	4	
36	NNT A130	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	-	3	
37	NNT A131	Đất nước học Anh Mỹ	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	-	3	



STT	Mã học phần	HỌC PHẦN	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																										Tổng				
				Kiến thức											Kỹ năng											Năng lực tự chủ và trách nhiệm								
				2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.1.7	2.1.8	2.1.9	2.1.10	2.1.11	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.2.10	2.2.11	2.2.12	2.2.13	2.3.1	2.3.2		2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6
38	NNT A132	Văn học Anh - Mỹ	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	4	
39	NNT A133	Biên dịch	3	-	-	1	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	-	6	
40	NNT A134	Thực hành biên dịch chuyên ngành	3	-	-	-	-	-	-	-	3	1	-	1	-	-	-	-	-	2	-	2	-	1	1	-	1	1	-	1	1	-	11	
41	NNT A135	Phiên dịch	3	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	4	
42	NNT A136	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	3	-	-	-	-	-	-	-	3	1	-	-	-	-	-	-	-	-	2	1	-	1	-	-	1	-	-	1	-	-	7	
43	NNT A137	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	4	
44	NNT A138	Tiếng Anh chuyên ngành Môi	3	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	5





**3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ**

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>									
<b>I.1</b>	<b>Các học phần chung</b>									
1	Triết học Mác - Lênin	LCML101	3							
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	LCML102		2						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML103			2					
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT101				2				
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LCLS101				2				
6	Tiếng Trung 1	NNTA104	3							
7	Tiếng Trung 2	NNTA105		3						
8	Tiếng Trung 3	NNTA106			2					
9	Giáo dục thể chất									
10	Giáo dục quốc phòng-an ninh									
<b>I.2</b>	<b>Các học phần bắt buộc của trường</b>									
11	Pháp luật đại cương	LCPL101			2					
12	Tin học đại cương	CTKU101	2							
13	Kỹ năng mềm	NNTA107						2		
<b>I.3</b>	<b>Các học phần của ngành</b>									
14	Tiếng Việt thực hành	NNTA108		3						
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	LCLS102			2					
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	NNTA109				3				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>									
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>									
17	Kỹ năng thuyết trình	NNTA110				2				
18	Ngữ pháp tiếng Anh 1	NNTA111	3							
19	Kỹ năng tư duy phản biện	NNTA112		2						
20	Dẫn luận ngôn ngữ	NNTA113			2					
21	Lý thuyết dịch	NNTA114					2			



STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ								
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4		
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	
43	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	NNTA136								3	
44	Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường	NNTA137								3	
45	Ngôn ngữ học đối chiếu	NNTA138								3	
46	Từ vựng học	NNTA139								3	
47	Ngữ nghĩa học	NNTA140						3			
48	Ngữ dụng học	NNTA141						3			
49	Văn hóa các nước ASEAN	NNTA142					2				
50	Tiếng Anh thư tín Thương mại	NNTA143					3				
<b>II.3</b>	<b>Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp</b>										
51	Thực tập tốt nghiệp	NNTA144									6
52	Khoá luận tốt nghiệp	NNTA145									6
	<i>Các môn thay thế Khoá luận tốt nghiệp</i>										
53	Giao tiếp liên văn hóa	NNTA146									3
54	Phân tích diễn ngôn	NNTA147									3
<b>Tổng cộng</b>			17	18	18	17	17	19	15	12	

### 3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần

#### 1) Triết học Mác-Lê nin

**3 TC**

Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết, trang bị thế giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo.

Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoài khái quát những tri thức chung về triết học, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.

**2) Kinh tế Chính trị Mác-Lênin****2 TC**

Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc các môn Lý luận chính trị trong giáo dục đại học, cung cấp những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu, nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.

**3) Chủ nghĩa xã hội khoa học****2 TC**

Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là tiền đề cho hai học phần tiếp theo là Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**4) Tư tưởng Hồ Chí Minh****2 TC**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**5) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam****2 TC**

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị;

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**6) Tiếng Trung 1****3 TC**

Học phần tiếng Trung Quốc 1 trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp và những câu giao tiếp đơn giản theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.

Học phần gồm 10 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học từ bài 1 đến bài 10 trong Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy

dành cho năm thứ nhất - Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 1, quyển thượng) “  
对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 1年级教材- 修订本 (第一册, 上)

### 7) Tiếng Trung 2

3 TC

Học phần tiếng Trung Quốc 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành gồm 15 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học từ bài 16 đến bài 30 trong Bộ TLCHán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất - TLCtiếng Hán - Phiên bản mới (tập 1, quyển hạ) “对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 1年级教材 - 修订本 (第一册, 下) . Mỗi bài học gồm 5 phần: Bài khóa; từ mới; ngữ pháp, ngữ âm; luyện tập. Bắt đầu từ luyện tập ngữ âm cơ bản tiếng Hán, từ đó tiến hành giảng dạy kết cấu ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, cuối cùng là giai đoạn giảng dạy ngữ đoạn, thông qua sự hiểu biết sâu hơn về ngữ pháp và vận dụng từ ngữ, để nâng cao hơn nữa khả năng biểu đạt thành đoạn văn của người học.

### 8) Tiếng Trung 3

2 TC

Học phần tiếng Trung 3 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng để có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn sau này. Đồng thời, Học phần cung cấp cho người học những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống và các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết ở trình độ tiền trung cấp. Học phần gồm 10 đơn vị bài học về các chủ đề khác nhau như: Âm nhạc, thời tiết, du lịch... Với hệ thống ngữ pháp và từ vựng trong tiếng Trung 3, sinh viên đã có thể tự tin chinh phục kỳ thi HSK cấp độ 3. Ngoài ra, Học phần còn tạo tiền đề giúp sinh viên có khả năng nghe - nói - đọc - viết đều ở mức cơ bản, có thể sử dụng được trong những tình huống nhất định và làm quen với các dạng bài thi quốc tế theo định hướng HSK.

### 9) Pháp luật đại cương

2 TC

Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức đại cương của tất cả các chuyên ngành đào tạo trong trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học iết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.

### 10) Tin học đại cương

2

TC

Học phần “Tin học đại cương” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương gồm các kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu khái niệm



hệ điều hành, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.

### **11) Kỹ năng mềm**

**2 TC**

Học phần Kỹ năng mềm học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần bao gồm các vấn đề kiến thức thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm. Người học có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để giải quyết các công việc trong thực tiễn, phát huy hiệu quả năng lực học tập, nghiên cứu khoa học và lập nghiệp.

### **12) Tiếng Việt thực hành**

**3**

**TC**

Học phần cung cấp và hệ thống hóa, rèn kỹ năng phân tích cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về ngôn ngữ tiếng Việt, quá trình hình thành và phát triển tiếng Việt, đặc điểm loại hình, các quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt, đặc điểm cấu tạo từ và câu tiếng Việt, đặc trưng của văn bản, các kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản tiếng Việt.

### **13) Cơ sở văn hóa Việt Nam**

**2 TC**

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi và hệ thống về cơ sở văn hóa Việt Nam, bao gồm: Văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội. Qua đó, sinh viên nhận thức đúng cơ sở văn hóa Việt Nam và những giá trị cốt lõi của văn hóa Việt Nam, có trách nhiệm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập; đồng thời có thể vận dụng những kiến thức của văn hóa Việt trong các hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

### **14) Phương pháp luận nghiên cứu khoa học**

**3 TC**

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu các khái niệm và bản chất logic của nghiên cứu khoa học. Xây dựng cơ sở lý luận của đề tài, thu thập và định hướng xử lý thông tin, trình tự thực hiện đề tài. Viết được bài báo khoa học, luận văn tốt nghiệp và có khả năng thuyết trình một báo cáo khoa học.

### **15) Kỹ năng thuyết trình**

**2 TC**

Phương pháp thuyết trình là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo hệ đại học dành cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh năm thứ 2. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng thuyết trình; Giúp sinh viên biết cách thuyết trình thành công 1 vấn đề cụ thể và giúp sinh viên tự tin khi nói trước đám đông. Học phần giới thiệu các cách mở đầu bài thuyết trình, giới thiệu bản thân, sử dụng ngôn ngữ hình thể, miêu tả biểu đồ, sử dụng con số thích hợp, giáo cụ trực quan, cách ứng phó, cách trả lời và cách kết thúc bài thuyết trình. Môn học giúp cho người học có kiến thức về kỹ năng thuyết trình, biết vận dụng mẫu câu, cụm từ, biểu bảng ,

phân tích...trong các hoạt động làm bài tập nhóm hay phát triển kỹ năng làm việc độc lập.

### **16) Ngữ pháp tiếng Anh 1**

**3 TC**

Học phần “*Ngữ pháp 1*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học dành cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm thứ nhất nhằm giúp người học đạt được trình độ ngữ pháp trung cấp (B1). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh như các thì hiện tại, quá khứ và tương lai, các loại câu điều kiện, câu bị động, sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ vị ngữ, thức giả định, mệnh đề quan hệ, câu gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể đồng thời cũng cung cấp các cách sử dụng và mẫu câu giúp người học vận dụng vào quá trình làm bài tập cũng như vận dụng trong các hoạt động nghe, nói, đọc, viết. Học phần ngữ pháp 1 cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

### **17) Kỹ năng tư duy phản biện**

**2 TC**

Học phần Kỹ năng tư duy phản biện thuộc khối kiến thức đại cương, môn học tự chọn. Học phần này giúp cho sinh viên hiểu được tư duy phản biện là đặc điểm của tư duy bậc cao, nó là điều kiện cần thiết cho sự thành công của bất kỳ người lao động làm việc trong bất kỳ ngành nghề nào, cấp độ nào. Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Bên cạnh đó, môn học sẽ phát triển những kỹ năng tư duy phản biện thông qua thảo luận và thực hành những phương pháp, những công cụ tư duy hữu ích cho sự phát triển năng lực trí tuệ của cá nhân và cộng đồng

### **18) Dẫn luận ngôn ngữ**

**2 TC**

Dẫn luận Ngôn ngữ là môn học bắt buộc tròn khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên Ngành ngôn ngữ Anh. Môn học này sẽ tập trung giới thiệu nội dung cơ bản của bốn lĩnh vực cơ bản nhất của ngôn ngữ học đó là Ngữ âm học và Âm vị học tiếng Anh (miêu tả, phân loại nguyên âm, phụ âm, cấu trúc âm tiết, trọng âm và các biến đổi âm trong chuỗi lời nói), Hình vị học (phân loại hình vị, các cách cấu tạo từ), Cú pháp học (học các loại từ, cụm từ, mệnh đề và câu) và Ngữ nghĩa học (các mối quan hệ về nghĩa). Những kiến thức này sẽ giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học cũng như giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh được chính xác về mặt ngôn ngữ, từ cách phát âm đến việc sử dụng từ và cấu trúc câu.

### **19) Lý thuyết dịch**

**2 TC**

Học phần “*Lý Thuyết dịch*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần giới thiệu khái niệm biên dịch và các nghiên cứu về ngành biên dịch, phân tích văn bản gốc, các phương pháp biên dịch, quy trình biên dịch, các biện pháp phổ biến áp dụng trong ngành biên dịch. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu khái niệm về phiên

dịch, nhiệm vụ của phiên dịch viên, các loại hình phiên dịch, chuẩn mực đạo đức nghề dịch.

## **20) Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh**

**2 TC**

Môn học Kỹ năng trả lời phỏng vấn cung cấp cho người học những kiến thức, thủ thuật và kỹ năng giao tiếp trong phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh. Bên cạnh những kiến thức chuyên môn thì kỹ năng trả lời và cách ứng xử trong một cuộc phỏng vấn xin việc là sự chuẩn bị cần thiết để sinh viên sau khi ra trường có thể sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động.

## **21) Nghe - Nói 1**

**3 TC**

Học phần Nghe-Nói 1 tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu, nằm trong phần kiến thức ngành của ngành Ngôn ngữ Anh và giúp trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng để có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn. Bên cạnh đó, học phần này còn cung cấp cho người học những kiến thức về ngữ âm, từ vựng về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng cơ bản của Nghe-Nói như: nghe để lấy ý chính, nghe nắm bắt thông tin chi tiết, và kỹ năng Note-taking trong nghe hay như thuyết trình hoặc trình bày thông tin cơ bản, tóm tắt ý chính, v.v.... Học phần này bao gồm 06 bài học từ bài 1 đến bài 6 với các chủ đề khác nhau như sức khỏe, thể thao, giao thông, môi trường, du lịch và cuộc sống. Ngoài ra, học phần Nghe-Nói 1 còn tạo tiền đề giúp học viên phát triển các kỹ năng khác như Đọc-Viết cũng như nâng cao kiến thức cho những học phần sau này.

## **22) Đọc - Viết 1**

**3 TC**

Học phần “*Đọc-Viết 1*” là học phần bắt buộc nằm trong phần kiến thức ngành của ngành Ngôn ngữ Anh nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng để có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn sau này. Đồng thời, Học phần cung cấp cho người học những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng Đọc - Viết cơ bản ở trình độ tiền trung cấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu). Học phần bao gồm 06 đơn vị bài học về các chủ đề khác nhau như: sức khỏe, thể thao, giao thông, môi trường, du lịch và cuộc sống. Ngoài ra, Học phần còn tạo tiền đề giúp người học đồng thời phát triển các kỹ năng khác như Nghe-Nói và từng bước giúp sinh viên làm quen với các dạng bài thi quốc tế theo định hướng IELTS.

## **23) Nghe - Nói 2**

**4 TC**

Học phần Nghe-Nói 2 tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu, nằm trong phần kiến thức ngành của ngành Ngôn ngữ Anh và giúp trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng để có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn. Bên cạnh đó, học phần

này còn cung cấp cho người học những kiến thức về ngữ âm, từ vựng về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng cơ bản của Nghe-Nói như: nghe để lấy ý chính, nghe nắm bắt thông tin chi tiết, và kỹ năng Note-taking trong nghe hay như thuyết trình hoặc trình bày thông tin cơ bản, tóm tắt ý chính, v.v.... Học phần này bao gồm 06 bài học từ bài 7 đến bài 12 với các chủ đề khác nhau như công việc, công nghệ, học ngôn ngữ, du lịch, lịch sử và thiên nhiên. Ngoài ra, học phần Nghe-Nói 2 còn tiếp tục giúp học viên phát triển các kỹ năng khác như Đọc-Viết 2 cũng như nâng cao kiến thức cho những học phần sau này.

#### **24) Đọc - Viết 2**

**4 TC**

Học phần “*Đọc-Viết 2*” là học phần bắt buộc nằm trong phần kiến thức ngành của ngành Ngôn ngữ Anh nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng để có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn sau này. Đồng thời, Học phần cung cấp cho người học những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng Đọc-Viết cơ bản ở trình độ tiền trung cấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (trương đương trình độ A2-B1 theo khung tham chiếu Châu Âu). Học phần bao gồm 06 đơn vị bài học về các chủ đề khác nhau như: việc làm, công nghệ, ngôn ngữ và việc học ngôn ngữ, trải nghiệm liên quan đến kì nghỉ, lịch sử và tự nhiên. Ngoài ra, Học phần còn tạo tiền đề giúp người học đồng thời phát triển các kỹ năng khác như Nghe-Nói và từng bước giúp sinh viên làm quen với các dạng bài thi quốc tế theo theo định hướng IELTS.

#### **25) Nghe - Nói 3**

**4 TC**

Học phần Nghe-Nói 3 tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu, nằm trong phần kiến thức ngành của ngành Ngôn ngữ Anh và giúp trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng để có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn. Bên cạnh đó, học phần này còn cung cấp cho người học những kiến thức về ngữ âm, từ vựng về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng cơ bản của Nghe-Nói như: nghe để lấy ý chính, nghe nắm bắt thông tin chi tiết, và kỹ năng Note-taking trong nghe hay như thuyết trình hoặc trình bày thông tin cơ bản, tóm tắt ý chính, v.v.... Học phần này bao gồm 08 bài học từ bài 1 đến bài 8 với các chủ đề khác nhau như các mối quan hệ, địa điểm, giáo dục, đồ ăn uống, giải trí, phương tiện truyền thông. Ngoài ra, học phần Nghe-Nói 3 còn tiếp tục giúp học viên phát triển các kỹ năng khác như Đọc-Viết 3 cũng như nâng cao kiến thức cho những học phần sau này.

#### **26) Đọc - Viết 3**

**4 TC**

Học phần Đọc – Viết 3 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo hệ đại học dành cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần này cùng với học phần Nghe - Nói 3 có vai trò quan trọng giúp trang bị cho sinh viên năng lực ngoại ngữ đáp ứng được trình độ IELTS (4.5 – 5.5) tương đương B1-B2 theo khung tham chiếu Châu Âu trong học tập, tìm hiểu tài liệu nước ngoài và gia tăng cơ hội việc cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nội dung của học phần bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ

(từ vựng, cấu trúc ngữ pháp) và các kỹ năng ngôn ngữ (Đọc, Viết) từ bài 1 đến bài 8 trong giáo trình Mindset 1. Đồng thời, việc hướng dẫn sinh viên tự trang bị thêm một số kỹ năng học thuật liên quan đến hai kỹ năng Đọc – Viết sẽ giúp sinh viên làm quen với dạng bài thi IELTS, tạo nền tảng cho việc học chuyên sâu ở các học phần sau và từng bước tiệm cận với thang đo chuẩn Quốc tế này.

#### **27) Nghe - Nói 4**

**4 TC**

Học phần Nghe-Nói 4 là một trong những học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo hệ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp và củng cố cho người học những kiến thức về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc chuyên sâu để trình bày các chủ đề và tình huống khác nhau: văn hóa, môi trường, giáo dục, giao thông, thông tin đại chúng, du lịch,... Bên cạnh đó, học phần cũng sẽ trang bị cho người học những kỹ năng thực hành tiếng để sử dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn như giải quyết vấn đề, thảo luận, tranh luận, làm việc nhóm và các kỹ năng nghe như phán đoán, nắm bắt ngữ cảnh, lấy ý chính, thông tin chi tiết, và kỹ năng Note-taking trong nghe. Học phần còn tạo tiền đề giúp người học phát triển các kỹ năng khác như Đọc-Viết cũng như nâng cao kiến thức cho những học phần sau này.

#### **28) Đọc - Viết 4**

**4 TC**

Học phần “*Đọc-Viết 4*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng để vận dụng vào các mục đích khác nhau như học thuật, chuyên môn. Người học có cơ hội rèn luyện kỹ năng Đọc và Viết mức độ trên trung cấp (trình độ B2 theo khung tham chiếu châu Âu) với các chủ đề đa dạng thông qua các nhiệm vụ học tập và chiến lược làm bài thi IELTS.

#### **29) Nghe - Nói 5**

**3 TC**

Học phần Nghe-Nói 5 là học phần cuối cùng trong chuỗi các học phần thực hành tiếng Anh của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sv kiến thức và kỹ năng ở mức chuyên sâu. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể tự tin giao tiếp với người bản xứ, diễn đạt các nội dung giao tiếp sử dụng văn phong trang trọng trong các tình huống giao tiếp thường nhật và các hoạt động giao tiếp nghề nghiệp; nghe hiểu và báo cáo lại các nội dung chính từ các bài phát biểu trên phương tiện đại chúng, hoặc các hoạt động giao tiếp nghề nghiệp có nội dung về các vấn đề kinh tế, khoa học, xã hội,...

#### **30) Đọc – Viết 5**

**3 TC**

Học phần “*Đọc-Viết 5*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần không chỉ trang bị cho người học những kiến thức nền, các kỹ năng Đọc và Viết để có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn sau khi tốt nghiệp mà còn tạo tiền đề giúp người học phát triển các kỹ

năng ngôn ngữ khác, đặc biệt khả năng diễn đạt ý kiến, phát triển ý tưởng thông qua các hoạt động thảo luận liên quan đến các nội dung của bài học. Học phần giới thiệu các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, cấu trúc ngữ pháp) liên quan đến các chủ đề như: đời sống, sức khỏe, nghệ thuật và kiến trúc, tài chính và doanh nghiệp, lịch sử. Ngoài ra, Học phần còn giúp người học nắm vững cấu trúc, định dạng đề thi theo định hướng IELTS cũng như cải thiện kỹ năng làm bài thi thông qua việc vận dụng thành thạo các tiêu kỹ năng và chiến lược đọc, viết phù hợp.

### **31) Ngữ pháp Tiếng Anh 2**

3

TC

Học phần “*Ngữ pháp 2*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học dành cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm thứ hai nhằm giúp người học đạt được trình độ ngữ pháp trung cấp. Học phần NP2 tiếp tục giới thiệu một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh như câu hỏi láy đuôi, câu đảo ngữ. Bên cạnh đó học phần sẽ tập trung vào các vấn đề ngữ pháp chuyên sâu hơn như động từ và cụm động từ, danh từ và cụm danh từ, cụm tính từ và trạng từ, giới từ và cụm giới từ, câu đơn, câu ghép, sung ngữ, bình ngữ và liên ngữ nhằm giúp người học cải thiện kỹ năng viết khi học thực hành tiếng.

### **32) Ngữ âm – Âm vị học**

3 TC

Học phần “*Ngữ âm và Âm vị học*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về cơ quan phát âm, các quy tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh; chỉ ra các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại, các quy tắc ngữ âm học (phonological rules); âm tiết (syllables); trọng âm, thanh điệu và cao độ (stress/tone), một số quy luật phát âm và phiên âm, các vấn đề trong âm vị, các khía cạnh của lời nói, ngữ điệu và chức năng của ngữ điệu.

### **33) Tiếng Anh du lịch**

3 TC

Học phần “*Tiếng Anh du lịch*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản trong ngành du lịch lữ hành và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm thuộc ngành du lịch: điểm đến du lịch, điều hành tour, kích cầu du lịch, đại lí du lịch, phương tiện du lịch, loại hình du lịch, và đặt chỗ trong du lịch... Người học có cơ hội rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, thuyết một cách cơ bản thông qua các nội dung trong bài học.

### **34) Giao thoa văn hóa Anh – Mỹ**

3

TC

Học phần Giao thoa Văn hóa Anh – Mỹ là học phần tự chọn, nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về đất nước, văn hóa, con người, địa lý, lịch sử; bản sắc dân tộc, hệ thống chính trị, tôn giáo, kinh tế, xã hội của hai quốc gia Anh – Mỹ. Kết thúc học phần, sinh viên có thể thuyết trình bằng tiếng Anh cũng như phân tích, nghiên cứu cơ bản các vấn đề văn hóa, xã hội Anh

– Mỹ và so sánh, liên hệ với văn hóa Việt Nam

### **35) Đất nước học Anh Mỹ**

**3 TC**

Đất nước học Anh Mỹ là một môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, đặc trưng cơ bản về Vương quốc Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Cụ thể, môn học giới thiệu cho sinh viên về đất nước, lịch sử phát triển, các giá trị truyền thống, thể chế chính trị, kinh tế, giáo dục, đời sống hàng ngày của người dân như bằng cách giới thiệu các môn thể thao và lễ hội tại Vương quốc Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Qua môn học này, sinh viên sẽ có thêm hiểu biết về hai đất nước cũng như có kiến thức cơ sở để học tập và nghiên cứu các vấn đề liên quan về Vương quốc Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

### **36) Văn học Anh – Mỹ**

**3 TC**

Văn học Anh - Mỹ là môn học bắt buộc dành cho sinh viên chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản về Văn học các nước nói tiếng Anh (Anh, Mỹ) từ cuối thế kỷ XIX đến nay bao gồm một số tác phẩm truyện ngắn của những tác giả nổi tiếng. Cụ thể, trong môn học này sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về văn học như: cốt truyện (plot), góc nhìn (point of view), nhân vật (character), bối cảnh (setting), chủ đề (theme) và những kiến thức cần thiết để đọc hiểu và viết bài phân tích văn học. Qua môn học này, sinh viên sẽ cải thiện được kỹ năng Đọc – Viết cũng như có thêm hiểu biết về văn học Anh – Mỹ.

### **37) Biên dịch**

**3 TC**

Học phần *Biên dịch* thuộc kiến thức ngành môn học bắt buộc. Học phần này trang bị cho SV các bước và các kỹ thuật biên dịch; xác định được các kỹ thuật biên dịch trong dịch thuật văn bản như dịch chuyển đổi cú pháp, dịch diễn giải và dịch cắt tĩa cũng như xác định được cấu trúc ngữ pháp và giải thích được nghĩa từ vựng khi dịch thuật văn bản. Về kỹ năng, môn học này giúp sv lựa chọn kỹ thuật biên dịch, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thích hợp để dịch văn bản; áp dụng được các bước, kỹ thuật biên dịch để thực hành dịch thuật văn bản; và dịch được từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại ở cấp độ câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề thông dụng.

### **38) Thực hành Biên dịch chuyên ngành**

**3 TC**

Học phần Thực hành Biên dịch chuyên ngành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần này nhằm giúp người học hiểu rõ vai trò và công việc của người Biên dịch trong thực tế, áp dụng những kiến thức về dịch thuật, các phương pháp dịch thuật, quy trình dịch thuật như phân tích, chuyển đổi – tái tạo cấu trúc, , phân biệt và được những điểm tương đồng và khác biệt giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt liên quan đến các chuyên ngành, rèn luyện được kỹ năng đọc viết và trình bày bằng trên giấy bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, trau dồi vốn kiến thức tổng quát và từ vựng liên quan đến chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lí đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn và trắc địa bản đồ.

### **39) Phiên dịch**

**3 TC**

Học phần Phiên dịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành được giảng dạy với mục tiêu giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về phiên dịch từ tiếng Anh

sang tiếng Việt và ngược lại. Qua môn học này, sinh viên nắm được cấu trúc câu đặc trưng và vốn từ vựng phong phú của cả hai ngôn ngữ để phiên dịch chính xác nội dung. Bên cạnh đó, các bài học còn được thiết kế nhằm giúp sinh viên hình thành thói quen ghi nhớ, ghi chú nhanh thông tin khi nghe cũng như khả năng phản xạ tốt phục vụ cho công việc.

#### **40) Thực hành phiên dịch chuyên ngành**

**3 TC**

Học phần **Thực hành phiên dịch chuyên ngành** là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần này nhằm giúp người học hiểu rõ vai trò và công việc của người phiên dịch trong thực tế, sử dụng những kỹ năng cơ bản của loại hình dịch đối: ghi chép, ghi nhớ, tóm tắt, diễn giải, hiểu rõ bản chất của môn học và cảm thấy tự tin hơn trong khi thực hành dịch tại lớp cũng như trong thực tế, trau dồi được kỹ năng nghe nói, diễn đạt, trình bày bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, trau dồi vốn kiến thức tổng quát và từ vựng liên quan đến chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lý đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn và trắc địa bản đồ.

#### **41) Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế**

**3 TC**

Học phần "*Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế*" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm thuộc lĩnh vực kinh tế: quản lý, các loại hình kinh tế, chuỗi cung ứng, chu kỳ sống của sản phẩm, vai trò của tiếp thị, các loại sản phẩm và dịch vụ của ngân hàng, các loại kế toán và báo cáo tài chính, vai trò của chính phủ đến nền kinh tế và các loại thuế. Người học có cơ hội rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, thuyết trình thông qua các nội dung trong bài học.

#### **42) Tiếng Anh môi trường**

**3 TC**

Học phần "*Tiếng Anh Môi trường*" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp các thuật ngữ, từ vựng chuyên ngành và kiến thức nền liên quan đến các chủ đề như: khoa học môi trường, ô nhiễm môi trường, tài nguyên năng lượng, đô thị hóa, luật và chính sách môi trường, phát triển bền vững. Học phần giúp người học cải thiện kỹ năng đọc hiểu các văn bản, tài liệu chuyên ngành môi trường bằng tiếng Anh và ứng dụng các kiến thức được học vào thực tiễn. Đồng thời, người học còn có cơ hội rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy phản biện, thu thập thông tin; đặc biệt là kỹ năng thuyết trình, diễn đạt và trao đổi ý kiến.

#### **43) Ngôn ngữ học đối chiếu**

**3 TC**

Học phần Ngôn ngữ học đối chiếu nằm trong nhóm các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành đào tạo ngôn ngữ Anh. Trong chương trình đào tạo toàn khóa, học phần được đưa vào giảng dạy ở học kỳ thứ tư, giúp cho người học có thêm hướng tiếp cận mới mẻ đối với một ngôn ngữ từ góc độ đối chiếu, so sánh. Về chi tiết, học phần Ngôn ngữ học đối chiếu mang đến cho người học khái niệm về ngôn ngữ học đối chiếu, các ứng dụng của ngành khoa học này với lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ,



các cách thức để tiến hành công việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ và các bình diện nghiên cứu của ngành khoa học này.

#### **44) Từ vựng học**

**3 TC**

Từ vựng học tiếng Anh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành dành cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh. Môn học có vai trò quan trọng trong việc cung cấp khái niệm về từ vựng, nguồn gốc của nó, hệ thống ngữ nghĩa của từ vựng, sự phát triển của từ vựng và sự tiếp biến từ vựng trong từ điển, bản chất của từ và các phương thức cấu tạo từ, thấy được tính đặc biệt của từ, nhất là ranh giới từ trong tiếng Anh, phân tích được nghĩa của từ; phân loại được vốn từ tiếng Anh thành các nhóm theo nguồn gốc, theo phạm vi sử dụng. Đặc biệt nhằm giúp sinh viên có kiến thức nền tảng để tiếp thu những kiến thức các môn học khác như ngôn ngữ học đối chiếu, dẫn luận ngôn ngữ...

#### **45) Ngữ nghĩa học**

**3 TC**

Ngữ nghĩa học là môn học tự chọn dành cho sinh viên chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản về nghĩa và các đặc điểm của nghĩa, chủ yếu tập trung vào các nghĩa của từ (word meaning) và một số phương diện nghĩa của câu (sentence meaning) và một số phương diện nghĩa của phát ngôn (utterance meaning). Cụ thể, người học sẽ được giới thiệu về các khái niệm cơ bản trong ngữ nghĩa học như các thuộc tính ngữ nghĩa, trường nghĩa, sở chỉ, nghĩa của từ, các hình thái tu từ, bao nghĩa, đồng nghĩa, trái nghĩa, mệnh đề, câu, phát ngôn, quan hệ kéo theo, tiền giả định, hàm ngôn, hành động ngôn từ, trực chỉ. Kết thúc môn học, người học sẽ có khả năng nhớ và phân biệt được các khái niệm trong ngữ nghĩa học và áp dụng những kiến thức đã học vào quá trình học và giao tiếp Tiếng Anh trong cuộc sống.

#### **46) Ngữ dụng học**

**3 TC**

Học phần “*Ngữ dụng học*” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ngữ dụng học như trực chỉ, quy chiếu, hàm ngôn, tiền giả định... để có thể vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh, có thể hiểu được ý định giao tiếp của người nói trong ngữ cảnh nhất định của hội thoại Anh-Việt. Người học có cơ hội rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ với các mục đích, ngữ cảnh, đối tượng khác nhau và hỗ trợ trong quá trình giao tiếp.

#### **47) Văn hóa các nước ASEAN**

**2 TC**

Học phần Văn hóa các nước ASEAN là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản về Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), quá trình thành lập Hiệp hội, những tôn chỉ của hiệp hội, lịch sử phát triển, các chính sách, những thành tựu và thách thức của tổ chức ASEAN. Các thông tin tổng quan về đất nước con người, về văn hóa và tôn giáo, về những địa điểm du lịch của đất nước. Giúp người học vận dụng được các kiến thức đã có về các nước ASEAN và năng lực tiếng Anh

vào các công việc liên quan đến du lịch, văn hóa, cũng như nghề nghiệp sau này.

#### **48) Tiếng Anh thư tín thương mại**

**3 TC**

Học phần “*Tiếng anh thư tín Thương mại*” nằm trong phần kiến thức chuyên ngành của ngành Ngôn ngữ Anh và giúp trang bị cho người học những kiến thức, vốn từ vựng chuyên ngành thương mại, văn phong, cấu trúc của một bức thư thương mại, cấu trúc ngữ pháp và thuật ngữ liên quan đến thư từ giao dịch trong các lĩnh vực thương mại như: thư hỏi hàng và trả lời, thư đặt hàng và thư liên quan đến việc thực hiện đơn hàng, thư khiếu nại, thư giải quyết khiếu nại, thư tín liên quan đến tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm, vận chuyển, các loại hình giao tiếp điện tử, các báo cáo, thông báo thông qua thư tín được sử dụng trong nội bộ công ty.... Học phần này cũng giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua các loại thư tín trong lĩnh vực thương mại.

#### **49) Thực tập tốt nghiệp**

**6**

**TC**

Quá trình thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp; củng cố, nâng cao kiến thức đã học tại trường, vận dụng kiến thức vào thực tiễn tại cơ sở thực tập; tăng cường khả năng tiếp cận thực tế cho sinh viên.

#### **50) Giao tiếp liên văn hóa**

**3**

**TC**

Học phần Giao tiếp liên Văn hóa cung cấp cho người học kiến thức liên quan đến các khía cạnh, nguyên tắc chi phối việc giao tiếp trong văn hóa Mỹ, cũng như đánh giá cao sự đa dạng văn hóa và quá trình giao tiếp giữa các nền văn hóa khác nhau. Thông qua đó, người học nhận thức được sự khác biệt trong hành vi giao tiếp là do hệ đức tin và các giá trị văn hóa chi phối. Từ đó họ có cái nhìn đúng đắn hơn về hành vi của những người tham gia giao tiếp, giúp quá trình giao tiếp liên văn hóa hiệu quả hơn. Ngoài ra, kết thúc học phần, sinh viên có thể thuyết trình, thảo luận, tham gia các hoạt động trò chuyện bằng tiếng Anh cũng như phân tích, nghiên cứu được các tài liệu học thuật về giao tiếp liên văn hóa.

#### **51) Phân tích diễn ngôn**

**3**

**TC**

Học phần “*Phân tích diễn ngôn*” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo hệ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần nghiên cứu ngôn ngữ được sử dụng trong mọi tình huống giao tiếp, đặc biệt là nghiên cứu về mối quan hệ giữa câu, ngữ ảnh và tình huống. Học phần giới thiệu một số khái niệm cơ bản về phân tích diễn ngôn (bao gồm mối quan hệ chặt chẽ về ngôn ngữ và ngữ cảnh, đặc điểm tính chất của văn nói và văn viết), và ứng dụng của ngữ dụng học và phân tích diễn ngôn vào các lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng khác như: giảng dạy ngoại ngữ, phiên dịch, kỹ năng giao tiếp...

### 3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

#### 3.7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành, đảm bảo đủ theo danh mục trang thiết bị tối thiểu phục vụ công tác đào tạo của ngành Ngôn ngữ Anh.

##### a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Phòng học	154	13.854	Máy chiếu	104	Tất cả các môn	13.854
				Màn chiếu	107		
				Bảng chống loá	154		
				Bàn giáo viên	154		
				Bàn học sinh	3.650		

##### b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Ghi chú
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	
1	Phòng máy tính (P.705)			Máy vi tính DELL	41	2014	- Tin học đại cương và Các học phần thực hành trên máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2014		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2014		
				Khóa cứng cho quản lý toàn bộ hệ thống USB Suntech Dongle for Control System	1	2014		

				<b>Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy</b>					
<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích (m2)</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>SL</b>	<b>Năm đưa vào sử dụng</b>	<b>Phục vụ học phần/môn học</b>	<b>Diện tích (m2)</b>	<b>Ghi chú</b>
				Khối xử lý dữ liệu âm thanh cho giáo viên và học viên Suntech External Audio Card for Teacher and Student. Version 2.0. Connect with PC via USB cable	41	2014	- Tin học đại cương và Các học phần thực hành trên máy		
				Tổ hợp tai nghe và Microphone chuyên dụng cho giáo viên và học viên Suntech Professional Multimedia Headset – ST203	41	2014	- Tin học đại cương và Các học phần thực hành trên máy		
				Bộ chuyển mạch Planet 24-Port 10/100/1000Mbps Gigabit Ethernet Switch	2	2014			
				Giáo trình điện tử LANGMASTER ENGLISH	41	2014	- Tin học đại cương và Các học phần thực hành trên máy		
				Phần mềm diệt Virus có bản quyền	41	2014	- Tin học đại cương và Các học phần thực hành trên máy		
2	Phòng máy	1	103	Máy vi tính DELL	41	2014	- Tin học đại	103	
				Máy chủ Server	1	2014	đại		

				<b>Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy</b>					
<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích (m2)</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>SL</b>	<b>Năm đưa vào sử dụng</b>	<b>Phục vụ học phần/môn học</b>	<b>Diện tích (m2)</b>	<b>Ghi chú</b>
	(P.706)			Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ			cương và Các học phần thực hành trên máy		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2014			
				Khóa cứng cho quản lý toàn bộ hệ thống USB Suntech Dongle for Control System	1	2014			
				Khối xử lý dữ liệu âm thanh cho giáo viên và học viên Suntech External Audio Card for Teacher and Student. Version 2.0. Connect with PC via USB cable	41	2014			
				Tổ hợp tai nghe và Microphone chuyên dụng cho giáo viên và học viên Suntech Professional Multimedia Headset – ST203	41	2014	Các học phần thực hành trên máy		
				Bộ chuyên mạch Planet 24-Port 10/100/1000Mbps Gigabit Ethernet Switch	2	2014			
				Giáo trình điện tử LANGMASTER ENGLISH	41	2014	Các học phần thực hành trên		

				Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy					
TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
							máy		
				Phần mềm Virus có bản quyền	41	2014			
3	Phòng máy (P.806)	1	103	Máy vi tính DELL	57	2016	Các học phần thực hành trên máy	103	
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016			
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016			

### c. Thông tin Thư viện

Tổng diện tích thư viện: 890 m<sup>2</sup> trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m<sup>2</sup>

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu (tài liệu giấy và số): 100

Số chỗ ngồi đọc: 200

Phần mềm Thư viện (tích hợp quản lý thư viện truyền thống và thư viện điện tử): iLibme

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT Thành phố Hồ Chí Minh các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình của trường: 9.915 sách, giáo trình, tài liệu tham khảo.

### d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
-----	--------------	------------------------

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
1	Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> ,(dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
6	Tiếng Trung 1	杨寄洲(2006), 对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 一年级教材- 修订本 ( 第一册 · 上), 北京语言大学出版社,北京. (Dương Ký Châu, Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 1, quyển thượng), Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất, Nxb. Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2006).
7	Tiếng Trung 2	杨寄洲(2006), 对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 一年级教材 - 修订本 ( 第一册 · 下), 北京语言大学出版社,北京. Dương Ký Châu, TLCTiếng Hán - Phiên bản mới (tập 1, quyển hạ), Bộ TLCHán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất, Nxb. Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2006

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
8	Tiếng Trung 3	<p>杨寄洲(2006), 对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 一年级教材 - 修订本 ( 第二册 · 上), 北京语言大学出版社,北京.</p> <p>Dương Ký Châu, Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 2, quyển thượng), Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất, Nxb. Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2006.</p>
9	Pháp luật đại cương	<p>1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (<i>Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>).</p> <p>3. Nguyễn Minh Đoan (2016), <i>Lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội.</p>
10	Tin học đại cương	<p>1. Phạm Thị Anh Lê (2014), <i>Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3)</i>, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.</p> <p>2. Phạm Quang Huy (2019), <i>Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu</i>, Nhà xuất bản Thanh niên.</p> <p>3. Phạm Quang Hiên (2019), Phạm Phương Hoa, <i>Giáo trình thực hành Excel</i>, Nhà xuất bản Thanh niên.</p>
11	Kỹ năng mềm	<p>1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014). <i>Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác</i>, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Chu Văn Đức (2005). <i>Giáo trình kỹ năng giao tiếp</i>. NXB Hà Nội.</p> <p>3. Đặng Đình Bôi (2010). <i>Bài giảng kỹ năng làm việc nhóm</i>. Trường Đại học Nông lâm TPHCM.</p> <p>4. Huỳnh Phú Thịnh (2009). <i>Giáo trình Kỹ</i></p>



STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<i>năng tìm việc làm</i> . Trường Đại học An Giang.
12	Tiếng Việt thực hành	[1]. Bùi Minh Toán (2012). <i>Tiếng Việt thực hành</i> . Nxb Giáo dục Việt Nam [2]. Hoàng Thị Lan (chủ biên) Lê Kim Cúc, Nguyễn Thị Bạch Dương (2017). <i>Rèn luyện kỹ năng thực hành Tiếng Việt</i> . NXBGD Việt Nam.
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm (2011), <i>Cơ sở Văn hóa Việt Nam</i> , Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
14	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TRUNG NGUYỄN. 2005. <i>Phương Pháp Luận Nghiên Cứu (Cẩm nang hướng dẫn từng bước dành cho người bắt đầu)</i> . Nhà xuất bản Lao động - Xã hội. Hà Nội.
15	Kỹ năng thuyết trình	Grussendorf, M. (2007). <i>English for presentations</i> . Oxford: Oxford University Press.
16	Ngữ pháp tiếng Anh 1	1. Raymond Murphy (2004), <i>Grammar in Use Intermediate fourth edition</i> , Cambridge University Press. 2. Betty S Azar & Stacy A. Hagen (2017), <i>Understanding and Using English Grammar</i> . Pearson, USA.
17	Kỹ năng tư duy phản biện	1. John Butterworth & Geoff Thwaites (2013), <i>Thinking skills: critical thinking and problem solving</i> , Cambridge University Press 2. Roy van den Brink (2006), <i>Critical thinking for Students, 3rd edition</i> , Howtobook, United Kingdom.
18	Dẫn luận ngôn ngữ	Brinton, L. J. (2000). <i>The Structure of Modern English, A Linguistic Introduction</i> . Philadelphia: John Benjamins Publishing Company.
19	Lý thuyết dịch	1. Munday, J. (2016). <i>Introducing translation studies: Theories and applications</i> . Routledge. 2. Newmark, P. (1988). <i>A textbook of translation</i> (Vol. 66). New York: Prentice hall.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		3. Setton, R., & Dawrant, A. (2016). <i>Conference Interpreting–A Complete Course</i> (Vol. 120). John Benjamins Publishing Company.
20	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	1. TJ TayLor (2020), <i>English for Job interviews</i> . 2. Martin John Yate, CPC (2013), <i>Knock'em Dead Job Interview – How to Turn Job Interview into Job Offer</i> , AdamMedia, Avon Massachusetts.
21	Nghe-Nói 1	Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). <i>Life (Vietnam Edition)</i> . National Geographic Learning. Cengage Learning. A2-B1.
22	Đọc-Viết 1	Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). <i>Life (Vietnam Edition)</i> . National Geographic Learning. Cengage Learning. A2-B1.
23	Nghe-Nói 2	Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). <i>Life (Vietnam Edition)</i> . National Geographic Learning. Cengage Learning. A2-B1.
24	Đọc-Viết 2	Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). <i>Life (Vietnam Edition)</i> . National Geographic Learning. Cengage Learning. A2-B1.
25	Nghe-Nói 3	Archer, G. & Passmore L. (2017) <i>Mindset for IELTS, Student's Book level 1</i> , Cambridge University Press.
26	Đọc-Viết 3	Archer, G et al. (2017), <i>Mindset for IELTS Level 1: Student book</i> , Cambridge: Cambridge University Press.
27	Nghe-Nói 4	Peter Crosthwaite, Susan Hutchison, Claire Wijayatilake, Natasha De Souza. (2017) <i>Mindset for IELTS, Student's Book Level 2</i> . Cambridge: Cambridge University Press.
28	Đọc-Viết 4	Archer, G et al. (2017). <i>Mindset for IELTS, Student's Book 2</i> . Cambridge: Cambridge University Press.
29	Nghe-Nói 5	Cambridge English (2018), <i>Mindset for Ielts – Student's Book 3</i> , Cambridge University Press.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
30	Đọc-Viết 5	Archer, G et al. (2018). <i>Mindset for IELTS, Student's Book 3</i> . Cambridge: Cambridge University Press.
31	Ngữ pháp tiếng Anh 2	1. Quirk R. and Greenbaum S. (1987). <b>A University Grammar of English</b> , London: Longman. 2. Malcolm Mann & Steve Taylore Knowles (2008), <b>Destination B2 Grammar and Vocabulary</b> , Macmillon Publisher Limited.
32	Ngữ âm – Âm vị học	Roach, P. (2009). <i>English Phonetics and Phonology</i> . Cambridge University Press.
33	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	Walker, R., Harding, K. (2009). <i>Oxford English for Careers Tourism</i> . Oxford University Press.
34	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	1. O'Driscoll, J. (2009). <i>Britain for learners of English: Understanding the country and its people (2<sup>nd</sup> Ed)</i> . Oxford University Press. 2. Maryanne, K. D, Joan, C. and Edward N. Kearny (1997). <i>The American ways: An introduction to American culture</i> . Prentice Hall Regents.
35	Đất nước học Anh Mỹ	1. James O'Driscoll. (2009) <i>Britain: For Learners Of English</i> . Oxford University Press. 2. Maryanne Datesman, JoAnn Crandall, Edward N. Kearny. (2014) <i>American Ways: An Introduction to American Culture. 3rd edition</i> . Pearson Education.
36	Văn học Anh - Mỹ	Kelly J.M. (2016). <i>The Norton Introduction to Literature. University of Nevada</i> .
37	Biên dịch	Trương, Q.P. (2014). <i>Giáo khoa căn bản môn dịch Anh-Việt – Việt-Anh</i> , Nhà xuất bản Thanh Niên.
38	Thực hành biên dịch chuyên ngành	1. Tài liệu giảng dạy bao gồm các bản tin, bài phát biểu và các bài giảng do giảng viên cung cấp liên quan tới các chủ đề chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lý đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn và trắc địa bản đồ được lấy từ nhiều nguồn khác nhau. 2. Peter New Mark (1988), <i>A textbook of</i>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<i>translation</i> , Prentice Hall International. 3. Nguyễn Quốc Hùng (2007), <i>Hướng dẫn kỹ thuật biên dịch Anh-Việt, Việt -Anh</i> , Nxb Văn hoá Sài Gòn.
39	Phiên dịch	Nguyễn Đức Châu (2004). <i>Phương pháp mới Phiên dịch- Biên dịch Anh-Việt, Việt-Anh (cuốn 1)</i> . Nhà Xuất bản Trẻ.
40	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	1. Tài liệu giảng dạy bao gồm các bản tin, bài phát biểu và các bài giảng do giảng viên cung cấp liên quan tới các chủ đề chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lý đất đai, địa chất, khí tượng thuỷ văn và trắc địa bản đồ được lấy từ nhiều nguồn khác nhau. 2. Nguyễn Quốc Hùng (2007). <i>Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh-Việt, Việt -Anh</i> . Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
41	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	Mackenzie, I. (2010). <i>English for Business Studies</i> . Cambridge University Press.
42	Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường	Ths. Mai Thị Hiền- Ts. Bùi Thị Oanh – Ths. Đặng Đức Chính- Ths. Đỗ Mai Quyên- Ts. Tống Hưng Tâm- Ths. Ngô Thị Hà. <i>English for Management of Natural Resources and Environmental: Labour-Social Publishing House</i> .
43	Ngôn ngữ học đối chiếu	1. Bùi Mạnh Hùng (2008). <i>Ngôn ngữ học đối chiếu</i> . Nhà xuất bản Giáo dục. 2. Lê Quang Thiêm (1989, 2004). <i>Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ</i> . Nhà xuất bản đại học và giáo dục chuyên nghiệp.
44	Từ vựng học	Jackson, H. & Amvela, E.Z. (2007). <i>Words, meaning and vocabulary :an introduction to modern English lexicology</i> . 2nd ed. New York: Continuum.
45	Ngữ nghĩa học	To, M. T. (2011). <i>English Semantics</i> . Ho Chi Minh City: National University Press.
46	Ngữ dụng học	Yule, G. (1996). <i>Pragmatics</i> . Oxford University Press.
47	Văn hóa các nước ASEAN	1. Nguyễn Thành Long. (2017). Tài liệu giảng dạy học phần Văn hóa các nước

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		ASEAN dành cho sinh viên Ngôn ngữ Anh. Đại học Hạ Long. 2. Cotterell, A. (2014). <i>A History of South East Asia</i> . Marshall Cavendish International Asia Pte Ltd.
48	Tiếng Anh thư tin thương mại	Ashley (2008). <i>Oxford Handbook of Commercial Correspondence</i> . Oxford Press.
49	Giao tiếp liên văn hóa	Deena R. Levine & Mara B. Adelman (1992). <i>Beyond language: Cross – cultural communication</i> . Prentice Hall Regents.
50	Phân tích diễn ngôn	Brian Paltridge. (2012). <i>Discourse Analysis</i> . Bloomsbury Publishing Plc.

### 3.7.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
1	Đặng Đức Chính	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
2	Tổng Hưng Tâm	Tiến sĩ	Triết học về Ngôn ngữ học	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
3	Triệu Thuỳ Hương	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
4	Phạm Thị Hồng Quế	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
5	Đỗ Mai Quyên	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
6	Hoàng Thị Tuyết Nhung	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
7	Ngô Thị Hà	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
8	Mai Thị Hiền	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
9	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
10	Trần Thị Thùy Linh	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
11	Cao Mai Hạnh	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
12	Lê Minh Hằng	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
13	Bùi Thị Oanh	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
14	Lưu Thị Bích Phượng	Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
15	Nguyễn Thuý Linh	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
16	Đào Thị Thuý Linh	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
17	Nguyễn Thị Hoa	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
18	Nguyễn Thị Huyền	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
19	Nguyễn Phú Cường	Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
20	Trần Xuân Hào	Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN

### 3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành; 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp – gọi chung là khóa luận tốt nghiệp (Tương đương 1 tuần liên tục).

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được 1 tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định;

- Lớp học độc lập được tổ chức cho từng học phần khác dựa vào đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học này được quy định như sau: từ 50 đến 80 sinh viên đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; 30 đến 60 sinh viên đối với những học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác. Trường hợp đặc biệt do nhà Trường quyết định;

- Khối lượng học tập tối thiểu của mỗi sinh viên (trừ các học phần thể chất, quốc phòng) trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

+ Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn;

+ Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

### **3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình**

Chương trình đào tạo trong nước:

1. Trường Đại học Hà Nội
2. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học QG Hà Nội
3. Trường Đại học FENIKA
4. Trường Đại học Ngoại ngữ TP Hồ Chí Minh
5. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2021*  
**TRƯỞNG BỘ MÔN**



**TS. Vũ Danh Tuyên**

**ThS. Đặng Đức Chính**